

Phụ lục I

DANH MỤC ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN THUỘC DIỆN PHẢI KIỂM DỊCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

I. ĐỘNG VẬT

1. Gia súc: Trâu, bò, lừa, ngựa, la, dê, cừu, lợn, thỏ, chó, mèo và các loài gia súc nuôi khác.
2. Gia cầm: Gà, vịt, ngan, ngỗng, gà tây, đà điểu, bồ câu, chim cút, các loài chim làm cảnh và các loài chim khác.
3. Động vật thí nghiệm: Chuột lang, chuột nhắt trắng, thỏ và các loài động vật thí nghiệm khác.
4. Động vật hoang dã: Voi, hổ, báo, gấu, hươu, nai, vượn, đười ươi, khỉ, tê tê, cu li, sóc, chồn, kỳ đà, tắc kè, rắn, gà rừng, trĩ, gà lôi, công và các loài động vật hoang dã khác.
5. Các loại động vật khác: Ong, tằm, các loại côn trùng khác.

II. SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

1. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm từ thịt, phủ tạng, phụ phẩm của động vật quy định tại mục I của Danh mục này ở dạng tươi sống, hun khói, phơi khô, sấy, ướp muối, ướp lạnh, đông lạnh, đóng hộp.
2. Lạp xường, patê, xúc xích, giăm bông, mỡ và các sản phẩm động vật khác ở dạng sơ chế, chế biến.
3. Sữa tươi, sữa chua, bơ, pho mát, sữa hộp, sữa bột, sữa bánh và các sản phẩm từ sữa.
4. Trứng tươi, trứng muối, bột trứng và các sản phẩm từ trứng.
5. Trứng gia cầm giống, trứng tằm; phôi, tinh dịch động vật.
6. Bột thịt, bột xương, bột huyết, bột lông vũ và các sản phẩm động vật khác ở dạng nguyên liệu; thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản chứa thành phần có nguồn gốc từ động vật.
7. Bột cá, dầu cá, mỡ cá, bột tôm, bột sò và các sản phẩm từ thủy sản khác dùng làm nguyên liệu để chế biến thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, thủy sản.
8. Dược liệu có nguồn gốc động vật: Nọc rắn, nọc ong, vẩy tê tê, mật gấu, cao động vật, men tiêu hoá và các loại dược liệu khác có nguồn gốc động vật.
9. Da động vật ở dạng: Tươi, khô, ướp muối.

10. Da lông, thú nhồi bông của các loài động vật: Hổ, báo, cây, thỏ, rái cá và từ các loài động vật khác.

11. Lông mao: Lông đuôi ngựa, lông đuôi bò, lông lợn, lông cừu và lông của các loài động vật khác.

12. Lông vũ: Lông gà, lông vịt, lông ngỗng, lông công và lông của các loài chim khác.

13. Răng, sừng, móng, ngà, xương của động vật.

14. Tổ yến, các sản phẩm từ yến.

15. Mật ong, sữa ong chúa, sáp ong.

16. Kén tằm.

17. Các đối tượng thuộc diện phải kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật khác theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc theo quy định của các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

Phụ lục II

DANH MỤC ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN THUỘC DIỆN MIỄN KIỂM DỊCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

I. Động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:

1. Động vật sử dụng cho mục đích An ninh, Quốc phòng trong trường hợp khẩn cấp.
2. Ong mật và các sản phẩm từ ong mật.
3. Trứng gia cầm tươi, trứng muối, trứng bắc thảo và các sản phẩm từ trứng.
4. Hàng thủ công mỹ nghệ chế tác từ sản phẩm của động vật, thú nhồi bông.

Đối với sản phẩm quy định tại khoản 2 và 3 vẫn thực hiện kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh nếu có yêu cầu của nước nhập khẩu.

II. Động vật, sản phẩm động vật xuất nhập khẩu:

Động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy chế ngoại giao.

Phụ lục III
DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

A. VI SINH VẬT, KÝ SINH TRÙNG, TRÚNG VÀ ẤU TRÙNG CỦA KÝ SINH TRÙNG GÂY BỆNH ĐỘNG VẬT

I. BỆNH CHUNG CHO NHIỀU LOÀI ĐỘNG VẬT

	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh
1	Bệnh Lở mồm long móng	Foot and mouth disease
2	Bệnh Nhiệt thán	Anthrax
3	Bệnh Đại	Rabies
4	Bệnh Giả dại	Aujesky's disease
5	Bệnh Sảy thai truyền nhiễm	Brucellosis
6	Bệnh Phó lao	Johne's disease (Paratuberculosis)
7	Bệnh Lưỡi xanh	Bluetongue
8	Bệnh Sốt thung lũng	Rift valley fever
9	Bệnh Xoắn khuẩn	Leptospirosis
10	Bệnh Viêm miệng có mụn nước	Vesicular stomatitis
11	Bệnh Tích nước xoang bao tim truyền nhiễm	Heartwater
12	Bệnh Viêm da	Dermatophilosis
13	Bệnh Toxoplasma	Toxoplasmosis
14	Bệnh Giun xoắn	Trichinellosis
15	Bệnh Nhục bào tử trùng	Saccasporidiosis
16	Bệnh Cầu ấu trùng	Enchinococcosis/hydatidosis
17	Bệnh xuất huyết	Epizootic hemorrhagic disease virus

18	Bệnh viêm não Nhật Bản	Japanese encephalitis
19	Ấu trùng ruồi ăn thịt	New world screwworm (Cochliomyia hominivorax) and Old world screwworm (Chrysomya bezziana)
20	Bệnh nhiễm khuẩn	Tularemia
21	Bệnh sốt Tây sông Nin	West Nile fever
22	Bệnh Dịch tả trâu bò	Rinderpest

II. BỆNH Ở LOÀI NHAI LẠI

	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh
1	Bệnh Viêm đường sinh dục truyền nhiễm	Bovine genital campylobacteriosis
2	Bệnh Viêm phổi màng phổi truyền nhiễm bò	Bovine contagious pleuropneumonia
3	Bệnh Viêm não thể xốp bò	Bovine Spongiform Encephalopathy
4	Bệnh Sốt Q	Q fever
5	Bệnh Cúm bò	Bovine ephemeral fever
6	Bệnh Bạch huyết bò	Enzootic bovine leukosis
7	Bệnh Viêm mũi khí quản truyền nhiễm ở bò	Infectious bovine rhinotracheitis
8	Bệnh Tiêu chảy có màng nhày do virus ở bò	Bovine viral diarrhoea/mucosal disease
9	Bệnh Xạ khuẩn	Actinomycosis
10	Bệnh Ung khí thán	Gangraena emphysematosa
11	Bệnh Loét da quăn tai	Coryza gangreanosa
12	Bệnh Tụ huyết trùng	Pasteurellosis
13	Bệnh Dịch tả loài nhai lại nhỏ	Peste des petits ruminants

14	Bệnh Viêm phổi màng phổi truyền nhiễm dê	Caprine contagious pleuropneumonia
15	Bệnh Đậu dê và cừu	Sheep pox and goat pox
16	Bệnh Lở mép truyền nhiễm dê	Contagious ecthyma of goat
17	Bệnh Cạn sữa truyền nhiễm dê	Caprine contagious agalactia
18	Bệnh Viêm khớp dê	Caprine arthritis
19	Bệnh Sảy thai truyền nhiễm cừu	Enzootic abortion of ewes
20	Bệnh Tiên mao trùng	Trypanosomiasis
21	Bệnh do Trichomonas	Trichomonosis
22	Bệnh Lê dạng trùng	Babesiosis
23	Bệnh Biên trùng	Anaplasmosis
24	Bệnh do Theileria	Theileriosis
25	Bệnh Gạo bò	Bovine cysticercosis
26	Bệnh Viêm da nổi cục truyền nhiễm	Lumpy skin disease
27	Bệnh Lao bò	Bovine Tuberculosis

III. BỆNH Ở NGỰA

	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh
1	Bệnh Dịch tả ngựa châu Phi	African horse sickness
2	Bệnh Thiếu máu truyền nhiễm	Equine infectious anemia
3	Bệnh Viêm não tuỷ ngựa	Equine encephalomyelitis
4	Bệnh Viêm não tuỷ Venezuela	Venezuelan equine encephalomyelitis
5	Bệnh Ty thư	Glanders
6	Bệnh Viêm hệ lâm ba truyền nhiễm	Epizootic lymphangitis

7	Bệnh do Salmonella ở ngựa	Equine salmonellosis
8	Bệnh Đậu ngựa	Horse pox
9	Bệnh Viêm phế quản truyền nhiễm ở ngựa	Equine rhinopneumonitis
10	Bệnh Viêm tử cung truyền nhiễm ở ngựa	Equine contagious metritis
11	Bệnh Cúm ngựa	Equine influenza
12	Bệnh Tiêm la ngựa	Dourine
13	Bệnh Lê dạng trùng	Equine piroplasmosis

IV. BỆNH Ở LỢN

	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh
1	Bệnh Dịch tả lợn châu Phi	African swine fever
2	Bệnh Dịch tả lợn cổ điển	Classical swine fever
3	Bệnh Mụn nước ở lợn	Swine vesicular disease
4	Bệnh do virus Nipah ở lợn	Nipah virus infection
5	Bệnh Suyễn lợn	Mycoplasma pneumonia of swine /Swine enzootic pneumonia (SEP)
6	Bệnh Viêm teo mũi truyền nhiễm	Atrophic rhinitis of swine
7	Bệnh viêm màng phổi truyền nhiễm	Pleuroncumonia
8	Bệnh Viêm não tuỷ lợn	Enterovirus encephalomyelitis/ Teschen disease
9	Bệnh Viêm dạ dày ruột truyền nhiễm	Transmissble gastroenteritis of swine
10	BệnhỈa chảy truyền nhiễm ở lợn	Porcine epizootic diarrhoea
11	Hội chứng Rối loạn đường hô hấp và sinh sản	Porcine respiratory and reproductive syndrome (PRRS)

12	Bệnh Cúm lợn	Swine influenza
13	Bệnh Viêm ruột ỉa chảy do vi rút	Porcine parvovirus infection
14	Bệnh Hồng lỵ do Treponema	Swine dysentery
15	Bệnh Đóng dấu lợn	Erysipelas
16	Bệnh Phó thương hàn lợn	Paratyphoid suum
17	Bệnh Tụ huyết trùng lợn	Pasteurellosis suum
18	Bệnh Phù đầu do Ecoli	Head edema
19	Hội chứng Gầy còm lợn con sau cai sữa	Porcine circovirus - PCV
20	Bệnh Đậu lợn	Variola suum
21	Bệnh Gạo lợn	Swine cysticercosis

V. BỆNH Ở GIA CẦM

	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh
1	Bệnh Cúm gia cầm thể độc lực cao	Highly pathogenic avian influenza
2	Bệnh Niu-cát-xon	Newcastle disease
3	Bệnh Viêm thanh khí quản truyền nhiễm	Avian infections laryngotracheitis
4	Bệnh Viêm phế quản truyền nhiễm gà	Avian infections bronchitis
5	Bệnh Gumboro	Infections bursal disease/Gumboro disease
6	Bệnh Tụ huyết trùng gia cầm	Avian pasteurellosis
7	Bệnh Bạch lỵ gà	Avian typhoid and pullorum disease
8	Bệnh Viêm màng não gà	Avian encephalomyelitis
9	Hội chứng Giảm đẻ	Egg drop syndrome 76 (EDS' 76)

10	Bệnh Đậu gà	Fowl pox
11	Bệnh Marek	Avian marek's disease
12	Bệnh Leuco gà	Avian Leucosis
13	Bệnh do Mycoplasma	Avian mycoplasmosis
15	Hội chứng phù đầu	Swollen head syndrome
16	Chứng sổ mũi truyền nhiễm	Infectious coryza
17	Bệnh Dịch tả vịt	Pestis anatum
18	Bệnh Viêm gan do vi rút ở vịt	Duck virus hepatitis
19	Bệnh Viêm ruột do vi rút ở vịt	Duck virus enteritis
20	Bệnh Dịch tả ngỗng	Pestis anserum
21	Bệnh Cầu trùng	Coccidiosis
22	Bệnh Sốt vẹt	Psittacosis and ornithosis

VI. BỆNH Ở ONG, TÂM

	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh
1	Bệnh Ký sinh do Varroa	Varroosis/Varroatosis
2	Bệnh Thối ấu trùng ong châu Mỹ	American foulbrood
3	Bệnh Thối ấu trùng ong châu Âu (thối ấu trùng tuổi nhỏ)	European foulbrood
4	Bệnh Ghẻ ở ong	Acariosis of bees
5	BệnhỈa chảy ở ong	Nosemosis of bees
6	Bệnh Thối ấu trùng tuổi lớn	Sacbrood
7	Bệnh Vôỉ hoá ấu trùng ong	Lime brood
8	Bệnh Chảy con ở ong	Tropilaplace
9	Bệnh Tâm gai	Febrine disease of chinese silkwiren

VII. BỆNH Ở CÁC LOÀI KHÁC

	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh
1	Bệnh do virus Marburg ở khỉ	Marburg virus
2	Bệnh Mụn nước do virus ở khỉ	Herpes virus
3	Bệnh Viêm gan do virus ở khỉ	Viral hepatitis
4	Bệnh Viêm sởi ở khỉ do Paramyxovirus	Measles
5	Hội chứng Suy giảm miễn dịch ở khỉ	Simian Acquired Immuno - Deficiency Syndrome (AIDS)
6	Bệnh Ebola ở khỉ	Ebola virus
7	Bệnh Viêm thanh quản do virus ở khỉ	Simian adenoviruses
8	Bệnh Viêm đường hô hấp do virus ở khỉ	Miscellaneous respiratory viruses
9	Bệnh Đậu khỉ	Monkey pox
10	Bệnh Ca rê ở chó	Canine distemper
11	Bệnh Alcut ở chồn	Aleurian disease of mink
12	Bệnh U nhầy của loài gặm nhấm	Myxomatosis
13	Bệnh Xuất huyết ở thỏ	Rabbit haemorrhagic disease
14	Bệnh Tụ huyết trùng ở thỏ	Rabbit pasteurellosis
15	Bệnh Bò đào cầu trùng ở thỏ	Rabbit staphylococcosis
16	Bệnh do Listeria monocytogenes gây ra ở thỏ	Rabbit listeriosis
17	Bệnh Thương hàn ở thỏ	Rabbit typhoid
18	Bệnh Phó thương hàn ở thỏ	Rabbit paratyphoid
19	Bệnh Cầu trùng ở thỏ	Rabbit coccidiosis
20	Bệnh Hoại tử	Rabbit necrobacillosis

B. CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Các đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật khác theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc theo quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

C. Đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật được rà soát, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với Tổ chức Thú y thế giới, các nước và tại Việt Nam.

Phụ lục IV

DANH MỤC ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠM THUỘC DIỆN PHẢI PHÂN TÍCH NGUY CƠ TRƯỚC KHI NHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Động vật bao gồm:

Trâu, bò, dê, cừu, lợn, gà, vịt, ngan, ngỗng, gà tây.

2. Sản phẩm động vật bao gồm:

a) Thịt gia súc, gia cầm ở dạng tươi, đông lạnh, ướp lạnh;

b) Bột thịt, bột xương, bột huyết, bột lông vũ, bột cá, bột gan mục để sản xuất thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản từ những quốc gia, vùng lãnh thổ có bệnh Bò điên, Nhiệt thán.

3. Việc phân tích nguy cơ đối với mục 1, 2 của Phụ lục này được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Có nguồn gốc từ quốc gia, vùng lãnh thổ lần đầu nhập khẩu vào Việt Nam;

b) Đã được nhập khẩu vào Việt Nam nhưng bị áp dụng biện pháp tạm ngừng hoặc cấm nhập khẩu vào Việt Nam để xem xét việc được nhập khẩu trở lại.

4. Các loại động vật, sản phẩm động vật không thuộc mục 1, 2 của Phụ lục này khi có nguy cơ gây lây lan dịch bệnh động vật và ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Phụ lục V

MẪU HỒ SƠ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

1. Đơn đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi tỉnh (Mẫu 1): Sử dụng đối với động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh trong phạm vi cả nước.

2. Đơn đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu (Mẫu 2).

3. Đơn khai báo kiểm dịch (Mẫu 3): Sử dụng để đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam đối với hàng hóa được đưa về nơi cách ly kiểm dịch, kho bảo quản, kho ngoại quan để thực hiện kiểm dịch.

4. Bản khai kiểm dịch động vật (Mẫu 4): Sử dụng đối với chủ tàu biển vận chuyển động vật, sản phẩm động vật vào lãnh thổ Việt Nam.

5. Đơn đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm (Mẫu 5).

6. Biên bản kiểm tra và lấy mẫu xét nghiệm (Mẫu 6).

7. Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y của động vật, sản phẩm động vật (Mẫu 7).

8. Biên bản niêm phong/mở niêm phong phương tiện vận chuyển, chứa đựng động vật, sản phẩm động vật (Mẫu 8).

9. Quyết định xử lý động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y (Mẫu 9).

10. Biên bản xử lý vệ sinh thú y hàng động vật, sản phẩm động vật (Mẫu 10).

11. Biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (Mẫu 11).

12. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:

a) Mẫu 12a Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: Sử dụng trong trường hợp cơ quan kiểm dịch động vật không thực hiện việc uỷ quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh;

b) Mẫu 12b Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: Sử dụng trong trường hợp cơ quan kiểm dịch động vật thực hiện việc uỷ quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh;

c) Mẫu 12c Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: Sử dụng trong trường hợp cơ quan kiểm dịch động vật

không thực hiện việc uỷ quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh;

d) Mẫu 12d Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: Sử dụng trong trường hợp cơ quan kiểm dịch động vật thực hiện việc uỷ quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

13. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu:

a) Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật (Mẫu 13a): sử dụng đối với kiểm dịch động vật xuất khẩu;

b) Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật (Mẫu 13b): sử dụng đối với kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu.

14. Giấy chứng nhận vận chuyển động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch:

a) Giấy chứng nhận vận chuyển động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch (Mẫu 14a);

b) Giấy chứng nhận vận chuyển sản phẩm động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch (Mẫu 14b).

15. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu:

a) Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu (Mẫu 15a);

b) Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu không dùng làm thực phẩm (Mẫu 15b);

c) Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu dùng làm thực phẩm (Mẫu 15c).

16. Chứng nhận kiểm dịch động vật tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam:

a) Chứng nhận kiểm dịch động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam (Mẫu 16a);

b) Chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam (Mẫu 16b).

17. Đơn đăng ký kiểm dịch (Mẫu 17): Sử dụng trong tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

18. Đơn đăng ký kiểm dịch xuất/nhập kho ngoại quan động vật, sản phẩm động vật (Mẫu 18).

19. Đơn đăng ký kiểm dịch nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật (Mẫu 19).

20. Đơn đăng ký kiểm dịch nhập khẩu bột thịt xương (Mẫu 20).

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số:...../ĐK-KĐDV

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày...../...../..... tại.....

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	Giống	Tuổi	Tính biệt		Mục đích sử dụng
			Đực	Cái	
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:
..... theo Quyết định số/..... ngày...../...../.....của
.....(1)..... (nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

2/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

3/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

4/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

5/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ tiêm phòng ngày/...../.....

2/ tiêm phòng ngày/...../.....

3/ tiêm phòng ngày/...../.....

4/ tiêm phòng ngày/...../.....

5/ tiêm phòng ngày/...../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (2)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../ của(3) (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại: Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Nơi đến (cuối cùng):

Phương tiện vận chuyển:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

3/ Số lượng: Khối lượng:

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:

Các giấy tờ liên quan kèm theo:

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

.....

..... vào hồi giờ..... ngày/...../

Vào sổ đăng ký số ngày.....//

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại

Ngày thángnăm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Đơn đăng ký được làm 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;

- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;

- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.

- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU**

Số:...../ĐK-KDXK

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày...../...../..... tại.....

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	Giống	Tuổi	Tính biệt		Mục đích sử dụng
			Đực	Cái	
.....					
.....					
.....					
.....					
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:

..... theo Quyết định số/..... ngày...../...../.....
của(1)..... (nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

2/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

3/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

4/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

5/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày/...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ tiêm phòng ngày/...../.....

2/ tiêm phòng ngày/...../.....

3/ tiêm phòng ngày/...../.....

4/ tiêm phòng ngày/...../.....

5/ tiêm phòng ngày/...../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (2)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../ của(3)..... (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại: Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

Điện thoại: Fax: Email:

Cửa khẩu xuất:

Thời gian hàng đến cửa khẩu xuất:.....Phương tiện vận chuyển:

Nước nhập khẩu: Nước quá cảnh (nếu có):

Điều kiện bảo quản hàng trong vận chuyển:.....

Các vật dụng khác có liên quan kèm theo trong vận chuyển:.....

Hồ sơ giấy tờ liên quan đến hàng vận chuyển gồm:

Địa điểm cách ly kiểm dịch:

Thời gian tiến hành kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

.....

..... vào hồi giờ..... ngày/...../

Vào sổ đăng ký số ngày.....//

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại

Ngày tháng năm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Đơn đăng ký được làm 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 3

....., ngày..... tháng năm

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH (*)

Số:...../ĐK-KD

Kính gửi:(**)

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax.....E-mail

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch lô hàng (***) :(nhập khẩu, TNTX, quá cảnh
lãnh thổ,...)

1. Tên hàng:

2. Nơi sản xuất:

3. Số lượng:

4. Trọng lượng tịnh:

5. Trọng lượng cả bì:

6. Loại bao bì:

7. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr ...):

8. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

9. Nước xuất khẩu:

10. Cửa khẩu xuất:

11. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

12. Nước nhập khẩu:

13. Phương tiện vận chuyển:

14. Cửa khẩu nhập:

15. Mục đích sử dụng:

16. Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Thú y (nếu có):

17. Địa điểm kiểm dịch:

18. Thời gian kiểm dịch:

19. Địa điểm giám sát (nếu có):

20. Thời gian giám sát:

21. Số bản giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hoá ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (****).

TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm :

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi giờ, ngày tháng năm

Vào sổ số, ngày tháng năm

..... (**)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN:

(Trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do.....

.....

.....

....., ngày tháng năm

CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Đơn khai báo được làm thành 03 bản;

(*) Đăng ký theo mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(**) Tên Cơ quan Kiểm dịch;

(***) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

(****) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hoá nhập khẩu;

Lưu ý : Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ số Giấy Chứng minh nhân dân, ngày tháng và nơi cấp.

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu 4

Form:

BẢN KHAI KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
DECLARATION FOR ANIMAL QUARANTINE

Số:...../BK-KD

Number:

Tên tàu:..... Quốc tịch:

Name of the ship

Nationality

Tên thuyền trưởng: Tên bác sĩ:

Master's name:

Doctor's name:

Số thuyền viên: Số hành khách:

Number of crew:

Number of passengers

Cảng rời cuối cùng: Cảng đến tiếp theo:

Port of arrival from

Next port

Cảng bốc hàng đầu tiên và ngày rời cảng đó:.....

The first port of loading and the date of departure

Tên, số lượng, khối lượng hàng động vật, sản phẩm động vật nhận ở cảng đầu tiên:

Name, quantity and weight of animal and animal products loaded at the first port:

Tên, số lượng, khối lượng hàng động vật, sản phẩm động vật nhận ở các cảng trung gian và tên

các cảng đó:

Name, quantity and weight of animal and animal products loaded at the intermediate ports and the names of these ports:

Tên, số lượng, khối lượng hàng động vật, sản phẩm động vật cần bốc ở cảng này:

Name, quantity and weight of animal and animal products to be discharged at this port:

Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm dịch động vật.

The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his responsibility for entirely by the said regulations on animal quarantine.

....., ngày tháng năm

Date

THUYỀN TRƯỞNG (ĐẠI LÝ HOẶC SỸ QUAN)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

MASTER (Authorized agent or officer)

(Signature, stamp, full name)

Tên tổ chức, cá nhân
Địa chỉ:
Tel:
Fax:
Email:
Số:/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

Mẫu 5

ĐƠN ĐĂNG KÝ GỬI/NHẬN MẪU BỆNH PHẨM

Kính gửi: Cục Thú y

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....đề nghị Cục Thú y hướng dẫn kiểm dịch Gửi/Nhận mẫu bệnh phẩm như sau:

STT	Loại mẫu bệnh phẩm	Tên loài được lấy mẫu/ tên khoa học	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Cửa khẩu xuất	Cửa khẩu nhập

- Nguồn gốc, xuất xứ:.....
- Tên tổ chức, cá nhân gửi mẫu bệnh phẩm:.....
Địa chỉ:
.....
- Tên tổ chức, cá nhân nhận mẫu bệnh phẩm:.....
.....
Địa chỉ:
.....
- Thời gian thực hiện:.....
- Mục đích sử dụng:.....
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:.....
.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

THỦ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA VÀ LẤY MẪU XÉT NGHIỆM

Số:/BB-KTLM

Mẫu 6

Hôm nay, vào hồi giờ phút, ngày.....tháng.....năm

Tại địa điểm:

Chúng tôi gồm có:

1/ Ông/bà:Chức vụ:

Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật:

2/ Ông bà: là chủ hàng (hoặc người đại diện)

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây đã tiến hành kiểm tra hàng và lấy mẫu hàng sau đây để xét nghiệm:

Tên hàng	Quy cách đóng gói	Tổng số hàng		Mẫu hàng lấy xét nghiệm	
		Số lượng (l)	Khối lượng (kg)	Số lượng mẫu	Khối lượng (kg)
Tổng số					

Tình trạng hàng hoá:

.....

.....

.....

Thời gian trả lời kết quả vào ngày tháng năm

Biên bản này được lập thành 02 bản:

- 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ;
- 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ.

Chủ hàng (hoặc người đại diện)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) nếu hàng là động vật thì ghi số lượng động vật (con); nếu hàng là sản phẩm động vật thì ghi số lượng kiện, thùng, hộp



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 7

**BIÊN BẢN GHI NHẬN TÌNH TRẠNG VỆ SINH THÚ Y
CỦA ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT**

Số:/BB-VSTY

Hôm nay, vào hồi giờ phút, ngày.....tháng.....năm

Tại địa điểm:

Chúng tôi gồm có:

1/ Ông/bà:Chức vụ:

Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật:

2/ Ông/bà: là chủ hàng (hoặc người đại diện)

Địa chỉ giao dịch:

Số điện thoại: Fax: Email:

Trong khi tiến hành kiểm tra vệ sinh thú y lô hàng:

1/ Số lượng:.....Khối lượng:

2/ Số lượng:.....Khối lượng:

3/ Số lượng:.....Khối lượng:

4/ Số lượng:.....Khối lượng:

Phương pháp kiểm tra vệ sinh thú y của hàng:

Tình trạng vệ sinh thú y của hàng:

Kết luận:

Ý kiến của chủ hàng (hoặc người đại diện):

Biên bản này lập thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ.

Chủ hàng (hoặc người đại diện)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người làm chứng (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 8

**BIÊN BẢN NIÊM PHONG/MỞ NIÊM PHONG PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN,
CHỨA ĐỰNG ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT**
Số:..... /BB-MNP

Hôm nay, hồi giờ ngày tháng năm tại

Chúng tôi gồm:

1/ Ông/bà: Chức vụ:

Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật:

2/ Ông/bà: Chức vụ:

Là cán bộ cơ quan Hải quan cửa khẩu:

3/ Ông/bà: là chủ hàng (hoặc người đại diện)

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày:/...../..... Nơi cấp:

Với sự chứng kiến của:

Ông/bà: Chức vụ:

Địa chỉ:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày:/...../..... Nơi cấp:

Tiến hành niêm phong/mở niêm phong phương tiện vận chuyển, chứa đựng động vật/sản phẩm động vật.

Tình trạng vệ sinh thú y đối với lô hàng, phương tiện vận chuyển, chứa đựng:

.....
.....
.....

Biên bản này lập thành 03 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do cơ quan Hải quan cửa khẩu giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ.

Chủ hàng (hoặc người đại diện)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người làm chứng (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Hải quan cửa khẩu
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu 9

Số:/QĐ-XLVSTY

....., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH
Xử lý vệ sinh thú y đối với động vật/sản phẩm động vật
không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (1)

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số / ngày tháng năm của(2).... quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của(3).....;

Căn cứ Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y hàng động vật, sản phẩm động vật số /BB-
VSTY ngày / / của (4).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định xử lý vệ sinh thú y đối với số hàng sau:

- 1/ Số lượng:.....Khối lượng:
- 2/ Số lượng:.....Khối lượng:
- 3/ Số lượng:.....Khối lượng:
- 4/ Số lượng:.....Khối lượng:

Của ông bà: là chủ hàng (hoặc người đại diện)

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày:/...../..... Nơi cấp:

Số hàng trên đây không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định như sau:

Các vật dụng (phương tiện, dụng cụ, bao bì chứa đựng, thức ăn, chất độn, chất thải) có liên quan:

Điều 2. Biện pháp xử lý đối với số hàng trên và các vật dụng có liên quan:

Điều 3. Địa điểm tiến hành xử lý vệ sinh thú y:

Điều 4. Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý hàng:
.....
.....

Điều 5. Thời gian tiến hành xử lý vệ sinh thú y đối với lô hàng: vào hồi giờ
ngày / /

Điều 6. Nơi xử lý hàng phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc theo quy định.

Điều 7. Quy định về việc sử dụng hàng sau khi đã xử lý vệ sinh thú y:
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Quyết định này lập thành 03 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý hàng giữ.

Nơi nhận:
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- (1): Thủ trưởng cơ quan ra quyết định xử lý;
- (2): Thẩm quyền ra quyết định;
- (3): Tên cơ quan ra quyết định xử lý;
- (4): Tên cơ quan kiểm dịch động vật.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 10

BIÊN BẢN XỬ LÝ VỆ SINH THÚ Y
HÀNG ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Số:/BB-XLVSTY

Hôm nay, vào hồi giờ, ngày tháng năm

Tại địa điểm:

Chúng tôi gồm:

1/ Ông/bà: Chức vụ:

Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật:

2/ Ông/bà: Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

3/ Ông/bà: Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Căn cứ Quyết định xử lý vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y số /QĐ-XLVSTY ngày// của
.....(1).....

Đã tiến hành xử lý vệ sinh thú y lô hàng sau:

Tên hàng:

Số lượng: Khối lượng:

Của ông/bà: là chủ hàng (người đại diện)

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

Biện pháp xử lý đối với số hàng trên và các dụng cụ có liên quan:

.....

.....

.....

.....

.....

Địa điểm tiến hành xử lý:

.....

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý hàng:

.....

.....

Thời gian tiến hành xử lý: vào hồi giờ phút, ngày / /

Nơi xử lý đã được vệ sinh, khử trùng tiêu độc theo quy định.

Phương pháp khử trùng tiêu độc:

Hóa chất sử dụng trong khử trùng tiêu độc: Nồng độ:

Kết quả xử lý vệ sinh thú y đối với lô hàng:
.....
.....

Quy định về việc sử dụng hàng sau khi đã xử lý vệ sinh thú y (nếu không phải tiêu hủy):

- 1/ Được phép sử dụng làm thực phẩm: ☐
- 2/ Được phép sử dụng làm thức ăn chăn nuôi: ☐
- 3/ Chỉ được phép chế biến nguyên liệu cho công nghiệp: ☐

Ý kiến của chủ hàng hoặc người đại diện:
.....
.....
.....
.....

Biên bản này lập thành 03 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân thực hiện việc xử lý vệ sinh thú y đối với lô hàng giữ.

Chủ hàng (hoặc người đại diện)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Các cơ quan liên quan
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): Tên cơ quan kiểm dịch động vật.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 11

BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y

Số:...../BB-KTVSTY

Hôm nay, vào hồi giờ, ngày tháng năm

Tại cơ sở:

Địa chỉ

Điện thoại: Fax: Email:

Chúng tôi gồm:

1/ Ông/bà: Chức vụ:

Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật:

2/ Ông/bà: Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

3/ Ông/bà: Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đã tiến hành kiểm tra điều kiện vệ sinh đối với cơ sở.

Kết quả kiểm tra:

1. Địa điểm:

2. Điều kiện nhà xưởng:

3. Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ:

4. Điều kiện nuôi nhốt động vật/ bảo quản sản phẩm động vật

5. Nước sạch sử dụng tại cơ sở:

6. Nơi cách ly động vật ốm/nơi lưu giữ sản phẩm không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y:

.....

7. Nơi xử lý động vật, sản phẩm không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y:

.....

8. Hệ thống thoát nước và xử lý chất thải:

9. Điều kiện sức khỏe của người làm việc tại cơ sở:

10. Đã được vệ sinh, khử trùng tiêu độc ngày tháng năm

- Phương pháp vệ sinh tiêu độc:

- Hoá chất sử dụng trong tiêu độc: nồng độ:

Kết luận:

.....

.....

.....

.....

.....

Kiến nghị (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Biên bản này lập thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do cơ sở được thẩm định giữ.

Đại diện cơ sở
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu 12a

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**
Số:/CN-KĐĐV

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):
Địa chỉ giao dịch:
Điện thoại: Fax: Email:
Vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi (1)	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):
Nơi xuất phát:
Nơi đến cuối cùng:
Phương tiện vận chuyển: Biện kiểm soát:
Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):
1/ Số lượng:
2/ Số lượng:
3/ Số lượng:
Các vật dụng khác có liên quan:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:
2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;
3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:
..... tại kết quả xét nghiệm số: /
ngày...../...../..... của(2)..... (gửi kèm bản sao, nếu có).
4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:
- tiêm phòng ngày/...../.....
- tiêm phòng ngày/...../.....
- tiêm phòng ngày/...../.....
- tiêm phòng ngày/...../.....
5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng.....nồng độ
Giấy có giá trị đến ngày:/...../..... Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1): Đối với động vật làm giống.
(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

**TÊN CƠ QUAN KIỂM
DỊCH ĐỘNG VẬT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu 12b

Dấu
của cơ quan
Kiểm dịch
động vật

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH
Số:/CN-KĐĐV-UQ

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

Vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi (1)	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Nơi đến cuối cùng:

Phương tiện vận chuyển: Biển kiểm soát:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng:

2/ Số lượng:

3/ Số lượng:

Các vật dụng khác có liên quan:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:

..... tại kết quả xét nghiệm số: /

ngày...../...../..... của(2)..... (gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:

- tiêm phòng ngày/...../.....

- tiêm phòng ngày/...../.....

- tiêm phòng ngày/...../.....

- tiêm phòng ngày/...../.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã

được khử trùng tiêu độc bằng.....nồng độ

Giấy có giá trị đến ngày:/...../..... Cấp tại, ngày/...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): Đối với động vật làm giống.

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**
Số:/CN-KDSPĐV

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):
Địa chỉ giao dịch:
Điện thoại: Fax: Email:
Vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (l)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):
Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản:
Địa chỉ:
Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax: Email:
Nơi đến cuối cùng:
Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):
1/ Số lượng: Khối lượng:
2/ Số lượng: Khối lượng:
3/ Số lượng: Khối lượng:
Phương tiện vận chuyển: Biện kiểm soát:
Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển:
Các vật dụng khác có liên quan:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;
2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số:/..... ngày...../...../..... của(2)..... (gửi kèm bản sao, nếu có).
3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau:
4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ (nếu có).
5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằngnồng độ

Giấy có giá trị đến ngày:/...../.....

Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1): Số lượng kiện, thùng, hộp, ...

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

**TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu 12d

Dấu
của cơ quan
Kiểm dịch
động vật

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**
Số:/CN-KDSPĐV-UQ

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):
Địa chỉ giao dịch:
Điện thoại: Fax: Email:

Vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (1)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):
Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản:
Địa chỉ:
Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax: Email:
Nơi đến cuối cùng:
Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):
1/ Số lượng: Khối lượng:
2/ Số lượng: Khối lượng:
3/ Số lượng: Khối lượng:
Phương tiện vận chuyển: Biện kiểm soát:
Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển:
Các vật dụng khác có liên quan:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

- Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;
- Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số:/..... ngày...../...../..... của(2)..... (gửi kèm bản sao, nếu có).
- Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau:
- Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ (nếu có).
- Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằngnồng độ

Giấy có giá trị đến ngày:/...../..... Cấp tại ngày/...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): Số lượng kiện, thùng, hộp, ...

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.



Mẫu 13a
Form:

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU
ANIMAL HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT

Số:/CN-KĐDVXK
Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:
Name and address of exporter:

Tel : Fax : Email :

Nơi xuất phát của động vật:
Place of origin of the animal/s:

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG
IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu Official mark	Giống Breed	Tính biệt Sex	Tuổi Age

Tổng số:
Total:

II. XUẤT ĐI
DESTINATION OF THE ANIMAL/S

Nước nhập hàng: Phương tiện vận chuyển:
Country of destination: Means of transport:

Tên, địa chỉ người nhận hàng:
Name and address of consignee:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số động vật trên đã được kiểm tra:
I, the undersigned official Veterinarian certify that the animal/s described above was/were examined:

a/ Không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm trong ngày xuất phát.
Showed no clinical sign of contagious diseases on the day of shipment.

b/ Đáp ứng được các yêu cầu sau:
Satisfies / satisfy the following requirements:

Giấy có giá trị đến:/...../..... Giấy này làm tại ngày/...../.....
Valid up to Issued at on

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR (Signature, stamp, full name)



Mẫu 13b

Form:

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU
HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT OF ANIMAL PRODUCTS

Số:/CN-KDSPĐVXX
Number

Tên, địa chỉ người xuất hàng:
Name and address of exporter:

Tel: Fax: Email:

Tên, địa chỉ người nhận hàng:
Name and address of consignee:

Loại sản phẩm:
Type of products:

Quy cách đóng gói:
Type of package:

Số kiện hàng: Khối lượng:
Number of package: Net weight:

Tên, địa chỉ nhà máy sản xuất, chế biến hàng:
Name and address of the processing establishment:

Tel: Fax:

Phương tiện vận chuyển:
Means of transport:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật trên đáp ứng được các yêu cầu sau:
I, the undersigned official Veterinarian certify that the products described above satisfy the following requirement:

Giấy có giá trị đến:/...../.....
Valid up to

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

Giấy này làm tại ngày/...../.....
Issued at on

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR (Signature, stamp, full name)



**GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN ĐỘNG VẬT
NHẬP KHẨU VỀ NƠI CÁCH LY KIỂM DỊCH**
Số:/CN-ĐVCLKD

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):
Địa chỉ giao dịch:
Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày/...../..... tại
Điện thoại: Fax: Email:
Có nhập khẩu số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):
Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:
Nước xuất khẩu: Nước quá cảnh (nếu có):
Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: Thời gian nhập: ngày...../...../.....
Các vật dụng khác có liên quan:
Hồ sơ giấy tờ có liên quan:
Phương tiện vận chuyển: Biển kiểm soát:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

- Lô hàng nhập khẩu có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
- Số động vật trên khỏe mạnh và không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi nhập khẩu.
- Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ

YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN

- Số động vật trên phải được chuyển đến nơi cách ly kiểm dịch trước ngày/...../..... để nuôi cách ly kiểm dịch tại địa điểm:
- Chỉ được vận chuyển theo lộ trình:
- Nghiêm cấm vứt chất thải, rác thải, xác động vật trong quá trình vận chuyển.
- Chỉ được phép đưa động vật về nơi cách ly kiểm dịch tại địa điểm nêu trên và đúng thời gian quy định để nuôi cách ly kiểm dịch.

Giấy có giá trị đến:...../...../..... Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



**GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT
NHẬP KHẨU VỀ NƠI CÁCH LY KIỂM DỊCH**

Số:/CN-SPĐVCLKD

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày/...../..... tại

Điện thoại: Fax: Email:

Có nhập khẩu số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (1)	Trọng lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Nước xuất khẩu: Nước quá cảnh (nếu có):

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: Thời gian nhập:/...../.....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

Phương tiện vận chuyển: Biên kiểm soát:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

- Lô hàng nhập khẩu có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
- Sản phẩm động vật bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y khi nhập khẩu.
- Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.
- Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ

YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN

- Số sản phẩm động vật trên phải được vận chuyển đến nơi cách ly kiểm dịch trước ngày/...../..... để kiểm dịch tại địa điểm:
- Chỉ được vận chuyển theo lộ trình:
- Nghiêm cấm vứt sản phẩm động vật, chất thải, bao bì chứa đựng trong quá trình vận chuyển.
- Chỉ được phép đưa sản phẩm động vật về nơi cách ly kiểm dịch nêu trên và đúng thời gian quy định để cách ly kiểm dịch.

Giấy có giá trị đến:/...../.....

Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU

Số:/CN-KĐĐVNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):
Địa chỉ giao dịch:
Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày/...../..... tại
Điện thoại: Fax: Email:
Có nhập khẩu số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
.....					
.....					
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):
Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:
Nước xuất khẩu: Nước quá cảnh (nếu có):
Nơi chuyển đến:
Các vật dụng khác có liên quan:
Hồ sơ giấy tờ có liên quan:
Phương tiện vận chuyển:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật nêu trên:

- Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
- Đã được kiểm tra và không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi nhập khẩu.
- Số động vật trên đã được tiêm phòng và có miễn dịch với các bệnh:
a/ Tiêm phòng ngày/...../.....
b/ Tiêm phòng ngày/...../.....
c/ Tiêm phòng ngày/...../.....
- Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằngnồng độ

Giấy có giá trị đến/...../.....

Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT
NHẬP KHẨU KHÔNG DÙNG LÀM THỰC PHẨM**

Số:/CN-KDSPĐVNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

Có nhập khẩu số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (1)	Trọng lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, chế biến:

Nước xuất khẩu: Nước quá cảnh (nếu có):

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: Thời gian nhập:/...../.....

Nơi chuyển đến:

Các vật dụng khác có liên quan:

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

Phương tiện vận chuyển:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật nêu trên:

- Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
- Đã được kiểm tra và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y khi nhập khẩu.
- Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.
- Số sản phẩm động vật trên đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ (nếu có).
- Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằngnồng độ

Giấy có giá trị đến/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cấp tại, ngày/...../.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH VÀ VỆ SINH AN TOÀN
THỰC PHẨM SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU DÙNG LÀM THỰC PHẨM**

Số:/CN-KDSPĐVNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

Có nhập khẩu số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (1)	Trọng lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, chế biến:

Nước xuất khẩu: Nước quá cảnh (nếu có):

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: Thời gian nhập:/...../.....

Nơi chuyển đến:

Các vật dụng khác có liên quan:

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

Phương tiện vận chuyển:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật nêu trên:

- Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
- Đã được kiểm tra và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y và vệ sinh an toàn thực phẩm khi nhập khẩu.
- Số hàng trên đáp ứng yêu cầu sử dụng làm thực phẩm cho con người.
- Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.
- Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ

Giấy có giá trị đến/...../.....

Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TẠM NHẬP TÁI XUẤT,
CHUYỂN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM**
*Veterinary certificate for temporarily imported for re-export, transport of point,
transit of animal through Viet Nam*

Số :/CN-KĐĐVQC
Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:
Name and address of exporter:

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện):
Name and address of owner of commodity or his representative:

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng:
Name and address of final consignee:

Cửa khẩu nhập: Cửa khẩu xuất:
Declared point of entry: Declared point of exit:

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ / / đến / /
The duration transport or storage in Vietnam: From to

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG
IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu Official mark	Giống Breed	Tính biệt Sex	Tuổi Age

Tổng số:
Total:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:
I, the undersigned official Veterinarian certifies that:

- Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;
The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;
- Động vật khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm khi nhập vào Việt Nam;
The animal/s is/are healthy, showed no clinical sign of contagious diseases when imported into Vietnam;
- Các chất thải, chất độn, các dụng cụ có liên quan đã được xử lý vệ sinh thú y theo quy định;
Accompanying bedding, waste and tools have been treated in accordance with regulation;
- Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định;
Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.

NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM
REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình:
Allowed itinerary:

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, xác động vật trong quá trình vận chuyển;
Disposal of waste and dead carcasses during the transport is prohibited;

3/ Phải thông báo cho cơ quan Thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy động vật có biểu hiện mắc bệnh;
Any sign of animals disease shall be reported to the nearest veterinary authority;

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.
Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.

Giấy có giá trị đến:/...../.....
Valid up to

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

Giấy này làm tại ngày/...../.....
Issued at on

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NƠI XUẤT
CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT POINT OF EXIT

.....
.....
.....
.....
.....

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

....., ngày/...../.....
Issue at: Date of issue:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR (Signature, stamp, full name)



**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT
TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM**
*Veterinary certificate for temporarily imported for re-export, transport of point,
transit of animal product through Viet Nam*

Số:/CN-KDSPĐVQC
Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:
Name and address of exporter:

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện):
Name and address of owner of commodity or his representative:

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng:
Name and address of final consignee:

Loại sản phẩm:
Type of products:

Quy cách đóng gói:
Type of package:

Số kiện hàng: Khối lượng:
Number of package: Net weight:

Cửa khẩu nhập: Cửa khẩu xuất:
Declared point of entry: Declared point of exit:

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ / / đến / /
The duration transport or storage in Vietnam: From to

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE**

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:
I, the undersigned official Veterinarian certifies that

- 1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;
The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;
- 2/ Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;
The animal product/s packaged and stored in accordance with Vet. sanitary requirement
- 3/ Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định.
Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.

**NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM
REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY**

- 1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình:
Allowed itinerary:
- 2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, sản phẩm động vật trong quá trình vận chuyển;
Disposal of waste and animal products during the transport is prohibited
- 3/ Phải thông báo cho cơ quan thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy sản phẩm động vật có biểu hiện hư hỏng;
Any sign of animals products decayed shall be reported to the nearest veterinary authority;

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.
Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.

Giấy có giá trị đến:/...../.....
Valid up to

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

Giấy này làm tại ngày/...../.....
Issued at *on*

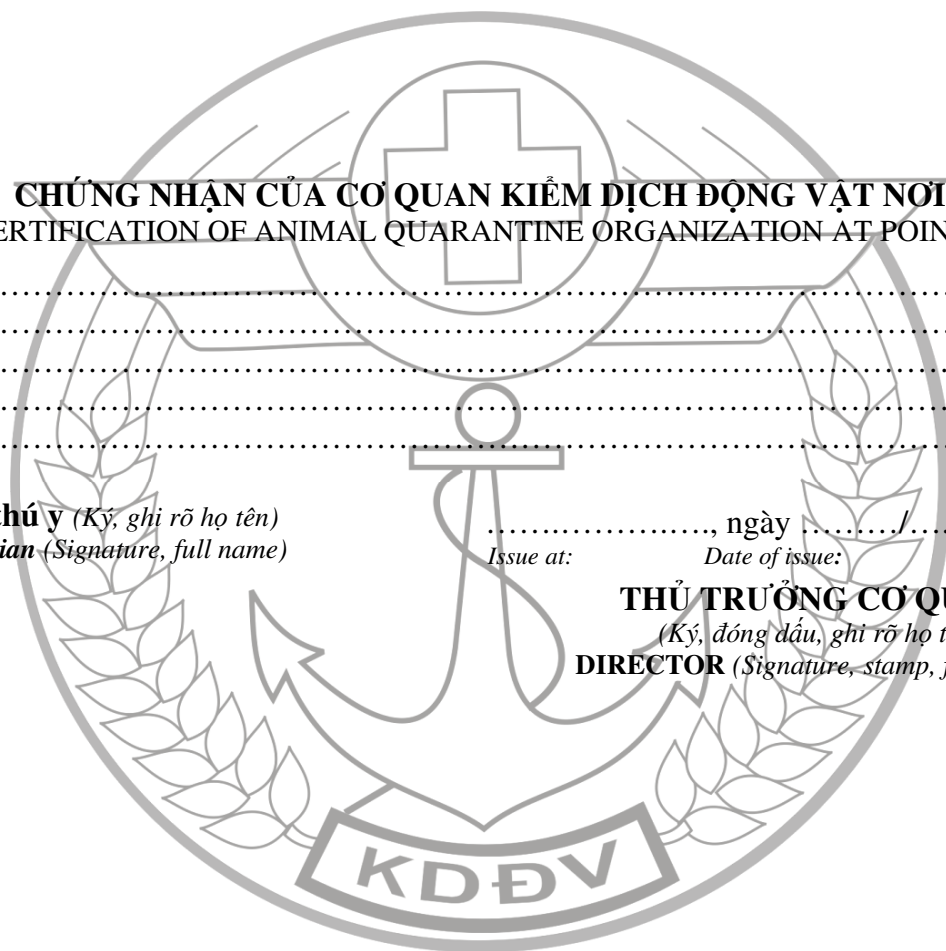
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NƠI XUẤT
CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT POINT OF EXIT

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

....., ngày/...../.....
Issue at: *Date of issue:*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR (Signature, stamp, full name)



CÔNG TY

Địa chỉ:

Tel:

Fax:

Email:

Số:/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20. ..

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH

Mẫu 17

Kính gửi: Cục Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công tyđề nghị Cục Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch lô hàng sau theo hình thức⁽¹⁾:

Tạm nhập tái xuất ☐

Tạm xuất tái nhập ☐

Chuyên cửa khẩu ☐

Quá cảnh lãnh thổ Việt Nam ☐

STT	Tên hàng	Số lượng ⁽²⁾ (tấn)	Nước xuất xứ	Cửa khẩu nhập	Cửa khẩu xuất
	Tổng số				

- Từ Công ty:.....
Địa chỉ:
.....
- Tên Công ty tiếp nhận:
Địa chỉ:
.....
- Thời gian thực hiện:.....
- Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam:
- Lộ trình trên lãnh thổ Việt Nam:
.....
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:
.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y.

CÔNG TY

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

(1): Đề nghị chỉ đánh dấu 01 hình thức kiểm dịch nêu trên.

(2): Số lượng có thể dự trữ nhập khẩu trong 03 tháng.

CÔNG TY
Địa chỉ:
Tel:
Fax:
Email:
Số:/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

Mẫu 18

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH XUẤT/NHẬP KHO NGOẠI QUAN
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT**

Kính gửi: Cục Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, Công ty đề nghị Cục Thú y hướng dẫn kiểm dịch số hàng sau theo hình thức xuất/nhập kho ngoại quan. Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên hàng	Số lượng	Đơn vị tính	Nước xuất xứ
Tổng số				

- Từ Công ty:.....

Địa chỉ:
.....

- Cửa khẩu nhập:.....

- Tên, địa chỉ kho ngoại quan:.....

Giấy phép số.....ngày...../...../....., thời hạn:.....hoặc Hợp đồng thuê kho ngoại quan số:.....ngày...../...../....., thời hạn:.....

- Mục đích nhập hàng vào kho ngoại quan:.....

- Thời gian thực hiện:.....

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:
.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Số lượng hàng có thể dự trữ để thực hiện trong 03 tháng.

CÔNG TY
Địa chỉ:
Tel:
Fax:
Email:
Số:/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

Mẫu 19

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU**

Kính gửi: Cục Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty
.....đề nghị Cục Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch
nhập khẩu lô hàng:

I. ĐỘNG VẬT

STT	Loại động vật	Số lượng (con) ⁽¹⁾		Nước xuất xứ	Cửa khẩu nhập
		Đực	Cái		
	Tổng số				

- Từ Công ty:.....
Địa chỉ:
.....
- Thời gian thực hiện:.....
- Mục đích sử dụng:.....
- Địa điểm nuôi cách ly kiểm dịch:
.....
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:.....
.....

II. SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

STT	Tên hàng	Số lượng ⁽¹⁾ (tấn)	Nước xuất xứ	Cửa khẩu nhập
	Tổng số			

- Từ Công ty:.....
.....

Địa chỉ:

.....

.....

- Từ Nhà máy sản xuất, chế biến (đối với sản phẩm động vật làm thực phẩm):

.....

Địa chỉ:

.....

.....

- Thời gian thực hiện:.....

- Mục đích sử dụng:

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:

.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y.

CÔNG TY

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

(1): Số lượng động vật, sản phẩm động vật có thể dự trữ nhập khẩu trong 03 tháng.

CÔNG TY
Địa chỉ:
Tel:
Fax:
Email:
Số:/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20 ...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH
NHẬP KHẨU BỘT THỊT XƯƠNG**

Mẫu 20

Kính gửi: Cục Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công tyđề nghị Cục Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch nhập khẩu lô hàng bột thịt xương:

STT	Tên hàng	Số lượng ⁽¹⁾ (tấn)	Nước xuất xứ	Cửa khẩu nhập
	Tổng số			

- Từ Công ty:.....
Địa chỉ:
.....
- Từ Nhà máy sản xuất, chế biến:
Địa chỉ:
.....
- Thời gian thực hiện:.....
- Mục đích sử dụng: chế biến thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm.
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:
.....
- Địa điểm nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi của Công ty:
.....

Chúng tôi cam kết chỉ sử dụng bột thịt xương nhập khẩu của Công ty để sản xuất thức ăn cho loại động vật nêu trên tại Nhà máy của Công ty và không sử dụng bột thịt xương để sản xuất thức ăn cho loài nhai lại và cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y.

CÔNG TY
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Số lượng có thể dự trữ nhập khẩu trong 03 tháng.

Phụ lục VI

MẪU DẤU SỬ DỤNG KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Đối với Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:

a) Dấu có hình chữ nhật, kích thước 1,5 x 4,0cm; đường viền ngoài có bề rộng 0,1cm;

b) Bên trong khắc chữ “BẢN GỐC” hoặc “BẢN SAO”, bề rộng của nét chữ là 0,1cm; chiều cao của chữ là 01cm.



Hình 1. Mẫu dấu “BẢN GỐC”



Hình 2. Mẫu dấu “BẢN SAO”

2. Đối với Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam:

a) Dấu có hình chữ nhật, kích thước 1,5 x 4,0cm; đường viền ngoài có bề rộng 0,1cm;

b) Bên trong khắc chữ “ORIGINAL” hoặc “COPY”, bề rộng của nét chữ là 0,1cm; chiều cao của chữ là 01cm.



Hình 3. Mẫu dấu “ORIGINAL”



Hình 4. Mẫu dấu “COPY”

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH
Số:/CN-KDDV

BẢN GỐC

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):
Địa chỉ giao dịch:
Điện thoại: Fax: Email:
Vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi (1)	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):
Nơi xuất phát:
Nơi đến cuối cùng:
Phương tiện vận chuyển: Biển kiểm soát:
Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):
1/ Số lượng:
2/ Số lượng:
3/ Số lượng:
Các vật dụng khác có liên quan:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

- Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:
- Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;
- Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh: tại kết quả xét nghiệm số: /
ngày...../...../..... của (2)..... (gửi kèm bản sao, nếu có).
- Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:
- tiêm phòng ngày/...../.....
- tiêm phòng ngày/...../.....
- tiêm phòng ngày/...../.....
- tiêm phòng ngày/...../.....
- Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ trước khi vận chuyển.

Giấy có giá trị đến:/...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày/...../.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1): Đối với động vật làm giống.

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.



Mẫu 13a
Form:

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU
ANIMAL HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT

Số:/CN-KĐDVXK
Number:

ORIGINAL

Tên, địa chỉ người xuất hàng:
Name and address of exporter:

Tel : Fax : Email :

Nơi xuất phát của động vật:
Place of origin of the animal/s:

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG
IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu Official mark	Giống Breed	Tính biệt Sex	Tuổi Age

Tổng số:
Total:

II. XUẤT ĐI
DESTINATION OF THE ANIMAL/S

Nước nhập hàng: Phương tiện vận chuyển:
Country of destination: Means of transport:

Tên, địa chỉ người nhận hàng:
Name and address of consignee:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số động vật trên đã được kiểm tra:
I, the undersigned official Veterinarian certify that the animal/s described above was/were examined:

a/ Không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm trong ngày xuất phát.
Showed no clinical sign of contagious diseases on the day of shipment.

b/ Đáp ứng được các yêu cầu sau:
Satisfies / satisfy the following requirements:

Giấy có giá trị đến:/...../..... Giấy này làm tại ngày/...../.....
Valid up to Issued at on

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR (Signature, stamp, full name)